V-1

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 1 môn Văn

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100085	Trần Hoàng Anh	10 ANH	Nữ	26/01/2004	V10			
2	100225	Phùng Quang Huy	10 HÓA	Nam	13/10/2004	V10			
3	100247	Nguyễn Nam Khánh	10 TOÁN	Nam	08/08/2004	V10			
1	110024	Đỗ Dương Minh Anh	11 D2	Nữ	19/02/2003	V11			
2	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	V11			
3	110159	Lê Minh Đức	11 TIN	Nam	06/12/2003	V11			
4	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	V11			
5	110376	Trần Hiếu Minh	11 TIN	Nam	31/08/2003	V11			
6	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	V11			
7	110569	Phạm Anh Tú	11 TOÁN	Nam	10/12/2003	V11			
1	120015	Hà Nhật Anh	12 ĐỊA	Nữ	08/08/2002	V12			
2	120154	Bùi Thị Vân Hà	12 TOÁN	Nữ	09/01/2002	V12			
3	120179	Nguyễn Minh Hạnh	12 D1	Nữ	21/06/2002	V12			
4	120211	Đinh Ngọc Huyền	12 D3	Nữ	22/09/2002	V12			
5	120255	Lương Khánh Linh	12 D3	Nữ	13/05/2002	V12			
6	120274	Phạm Diệu Linh	12 D3	Nữ	18/10/2002	V12			
7	120322	Nguyễn Nhật Minh	12 D2	Nam	14/04/2002	V12			
8	120386	Trịnh Nam Phong	12 LÝ	Nam	08/01/2002	V12			
9	120405	Tôn Lương Quân	12 HÓA	Nam	25/10/2002	V12			
10	120409	Hoàng Kim Quy	12 TIN	Nữ	24/01/2002	V12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

NN-2

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 2 môn NN

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100247	Nguyễn Nam Khánh	10 TOÁN	Nam	08/08/2004	A10			
1	110031	Hồ Bảo Anh	11 SINH	Nữ	09/01/2003	A11			
2	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	A11			
3	110159	Lê Minh Đức	11 TIN	Nam	06/12/2003	A11			
4	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	A11			
5	110331	Hoàng Thị Phương Mai	11 D1	Nữ	16/06/2003	A11			
6	110376	Trần Hiếu Minh	11 TIN	Nam	31/08/2003	A11			
7	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	A11			
1	120015	Hà Nhật Anh	12 ĐỊA	Nữ	08/08/2002	A12			
2	120065	Trương Như Anh	12 ĐỊA	Nữ	29/12/2002	A12			
3	120154	Bùi Thị Vân Hà	12 TOÁN	Nữ	09/01/2002	A12			
4	120211	Đinh Ngọc Huyền	12 D3	Nữ	22/09/2002	A12			
5	120255	Lương Khánh Linh	12 D3	Nữ	13/05/2002	A12			
6	120274	Phạm Diệu Linh	12 D3	Nữ	18/10/2002	A12			
7	120322	Nguyễn Nhật Minh	12 D2	Nam	14/04/2002	A12			
8	120405	Tôn Lương Quân	12 HÓA	Nam	25/10/2002	A12			
9	120493	Đỗ Minh Tuấn	12 LÝ	Nam	06/08/2002	A12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

L-3

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 3 môn Lý

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100062	Nguyễn Quốc Anh	10 TIN	Nam	20/04/2004	L10			
2	100247	Nguyễn Nam Khánh	10 TOÁN	Nam	08/08/2004	L10			
1	110159	Lê Minh Đức	11 TIN	Nam	06/12/2003	L11			
2	110358	Nguyễn Hà Bình Minh	11 A	Nam	30/08/2003	L11			
3	110376	Trần Hiếu Minh	11 TIN	Nam	31/08/2003	L11			
4	110569	Phạm Anh Tú	11 TOÁN	Nam	10/12/2003	L11			
1	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	L11C			
1	120154	Bùi Thị Vân Hà	12 TOÁN	Nữ	09/01/2002	L12			
2	120305	Đào Bình Minh	12 TOÁN	Nữ	04/07/2002	L12			
3	120351	Nguyễn Thị Phương Nga	12 TOÁN	Nữ	18/01/2002	L12			
4	120386	Trịnh Nam Phong	12 LÝ	Nam	08/01/2002	L12			
5	120405	Tôn Lương Quân	12 HÓA	Nam	25/10/2002	L12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

H-4

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 4 môn Hóa

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100062	Nguyễn Quốc Anh	10 TIN	Nam	20/04/2004	H10			
2	100247	Nguyễn Nam Khánh	10 TOÁN	Nam	08/08/2004	H10			
1	110031	Hồ Bảo Anh	11 SINH	Nữ	09/01/2003	H11			
2	110046	Nguyễn Hải Anh	11 SINH	Nữ	13/05/2003	H11			
3	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	H11			
4	110159	Lê Minh Đức	11 TIN	Nam	06/12/2003	H11			
5	110358	Nguyễn Hà Bình Minh	11 A	Nam	30/08/2003	H11			
6	110376	Trần Hiếu Minh	11 TIN	Nam	31/08/2003	H11			
7	110569	Phạm Anh Tú	11 TOÁN	Nam	10/12/2003	H11			
1	120154	Bùi Thị Vân Hà	12 TOÁN	Nữ	09/01/2002	H12			
2	120305	Đào Bình Minh	12 TOÁN	Nữ	04/07/2002	H12			
3	120351	Nguyễn Thị Phương Nga	12 TOÁN	Nữ	18/01/2002	H12			
4	120386	Trịnh Nam Phong	12 LÝ	Nam	08/01/2002	H12			
5	120405	Tôn Lương Quân	12 HÓA	Nam	25/10/2002	H12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Si-5

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 5 môn Sinh

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100062	Nguyễn Quốc Anh	10 TIN	Nam	20/04/2004	Si10			
2	100247	Nguyễn Nam Khánh	10 TOÁN	Nam	08/08/2004	Si10			
1	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	Si11			
2	110159	Lê Minh Đức	11 TIN	Nam	06/12/2003	Si11			
3	110358	Nguyễn Hà Bình Minh	11 A	Nam	30/08/2003	Si11			
4	110376	Trần Hiếu Minh	11 TIN	Nam	31/08/2003	Si11			
5	110569	Phạm Anh Tú	11 TOÁN	Nam	10/12/2003	Si11			
1	110031	Hồ Bảo Anh	11 SINH	Nữ	09/01/2003	Si11C			
2	110046	Nguyễn Hải Anh	11 SINH	Nữ	13/05/2003	Si11C			
1	120154	Bùi Thị Vân Hà	12 TOÁN	Nữ	09/01/2002	Si12			
2	120305	Đào Bình Minh	12 TOÁN	Nữ	04/07/2002	Si12			
3	120351	Nguyễn Thị Phương Nga	12 TOÁN	Nữ	18/01/2002	Si12			
4	120386	Trịnh Nam Phong	12 LÝ	Nam	08/01/2002	Si12			
5	120405	Tôn Lương Quân	12 HÓA	Nam	25/10/2002	Si12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

S-6

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 6 môn Sử

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100085	Trần Hoàng Anh	10 ANH	Nữ	26/01/2004	S10			
2	100315	Trần Khánh Linh	10 D3	Nữ	05/02/2004	S10			
3	100398	Nguyễn Mai Hiếu Ngọc	10 VĂN	Nữ	27/03/2004	S10			
1	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	S11			
2	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	S11			
1	110372	Phạm Quang Minh	11 SỬ	Nam	02/03/2003	S11C			
1	120015	Hà Nhật Anh	12 ĐỊA	Nữ	08/08/2002	S12			
2	120065	Trương Như Anh	12 ĐỊA	Nữ	29/12/2002	S12			
3	120211	Đinh Ngọc Huyền	12 D3	Nữ	22/09/2002	S12			
4	120255	Lương Khánh Linh	12 D3	Nữ	13/05/2002	S12			
5	120274	Phạm Diệu Linh	12 D3	Nữ	18/10/2002	S12			
6	120322	Nguyễn Nhật Minh	12 D2	Nam	14/04/2002	S12			
7	120342	Nguyễn Việt Hà My	12 ANH	Nữ	24/06/2002	S12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đ-7

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 7 môn Địa

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100085	Trần Hoàng Anh	10 ANH	Nữ	26/01/2004	Đ10			
2	100315	Trần Khánh Linh	10 D3	Nữ	05/02/2004	Đ10			
3	100398	Nguyễn Mai Hiếu Ngọc	10 VĂN	Nữ	27/03/2004	Đ10			
1	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	Đ11			
2	110372	Phạm Quang Minh	11 SỬ	Nam	02/03/2003	Đ11			
3	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	Đ11			
1	120015	Hà Nhật Anh	12 ĐỊA	Nữ	08/08/2002	Đ12			
2	120065	Trương Như Anh	12 ĐỊA	Nữ	29/12/2002	Đ12			
3	120211	Đinh Ngọc Huyền	12 D3	Nữ	22/09/2002	Đ12			
4	120255	Lương Khánh Linh	12 D3	Nữ	13/05/2002	Đ12			
5	120274	Phạm Diệu Linh	12 D3	Nữ	18/10/2002	Đ12			
6	120322	Nguyễn Nhật Minh	12 D2	Nam	14/04/2002	Đ12			
7	120342	Nguyễn Việt Hà My	12 ANH	Nữ	24/06/2002	Đ12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

CD-8

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 8 môn GDCD

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100085	Trần Hoàng Anh	10 ANH	Nữ	26/01/2004	CD10			
2	100315	Trần Khánh Linh	10 D3	Nữ	05/02/2004	CD10			
3	100398	Nguyễn Mai Hiếu Ngọc	10 VĂN	Nữ	27/03/2004	CD10			
1	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	CD11			
2	110372	Phạm Quang Minh	11 SỬ	Nam	02/03/2003	CD11			
3	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	CD11			
1	120015	Hà Nhật Anh	12 ĐỊA	Nữ	08/08/2002	CD12			
2	120065	Trương Như Anh	12 ĐỊA	Nữ	29/12/2002	CD12			
3	120211	Đinh Ngọc Huyền	12 D3	Nữ	22/09/2002	CD12			
4	120255	Lương Khánh Linh	12 D3	Nữ	13/05/2002	CD12			
5	120274	Phạm Diệu Linh	12 D3	Nữ	18/10/2002	CD12			
6	120322	Nguyễn Nhật Minh	12 D2	Nam	14/04/2002	CD12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

T-9

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG GHI TÊN HỌC SINH KIỂM TRA BÙ HKI

NĂM HỌC 2019 - 2020

Phòng thi số: 9 môn Toán

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	CT	Mã đề	HS ký	Ghi chú
1	100062	Nguyễn Quốc Anh	10 TIN	Nam	20/04/2004	T10			
2	100207	Vũ Đức Hiếu	10 NHẬT	Nam	28/08/2004	T10			
3	100225	Phùng Quang Huy	10 HÓA	Nam	13/10/2004	T10			
4	100243	Hà Thế Khánh	10 HÓA	Nam	07/03/2004	T10			
5	100582	Nguyễn Kế Vũ	10 D3	Nam	08/09/2004	T10			
1	100247	Nguyễn Nam Khánh	10 TOÁN	Nam	08/08/2004	T10C			
1	110018	Dương Tâm Anh	11 TIN	Nữ	20/03/2003	T11			
2	110031	Hồ Bảo Anh	11 SINH	Nữ	09/01/2003	T11			
3	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	T11			
4	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	T11			
5	110331	Hoàng Thị Phương Mai	11 D1	Nữ	16/06/2003	T11			
6	110372	Phạm Quang Minh	11 SỬ	Nam	02/03/2003	T11			
7	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	T11			
8	110476	Trần Việt Phương	11 NHẬT	Nam	01/02/2003	T11			
1	120015	Hà Nhật Anh	12 ĐỊA	Nữ	08/08/2002	T12			
2	120082	Ngô Gia Bảo	12 TIN	Nam	10/12/2002	T12			
3	120154	Bùi Thị Vân Hà	12 TOÁN	Nữ	09/01/2002	T12			
4	120179	Nguyễn Minh Hạnh	12 D1	Nữ	21/06/2002	T12			
5	120211	Đinh Ngọc Huyền	12 D3	Nữ	22/09/2002	T12			
6	120255	Lương Khánh Linh	12 D3	Nữ	13/05/2002	T12			
7	120274	Phạm Diệu Linh	12 D3	Nữ	18/10/2002	T12			
8	120305	Đào Bình Minh	12 TOÁN	Nữ	04/07/2002	T12			
9	120322	Nguyễn Nhật Minh	12 D2	Nam	14/04/2002	T12			
10	120351	Nguyễn Thị Phương Nga	12 TOÁN	Nữ	18/01/2002	T12			
11	120386	Trịnh Nam Phong	12 LÝ	Nam	08/01/2002	T12			
12	120405	Tôn Lương Quân	12 HÓA	Nam	25/10/2002	T12			

Số HS vắng:

SBD HS vắng:

Số bài thi:.....; Tổng số tờ:.....

Hà Nội, ngày ... tháng 12 năm 2019

GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)